



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 61249

VEWL#: 35025

I-171: Y NO

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO # : 17

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DON TUE
Last Middle First

Current Address: 293/59 Bach Dang - P. 15 - Binh Thanh - HCM City

Date of Birth: 1934 Place of Birth: Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/75 To 09.28.1982
Years: 07 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRAN. THI. TU. CAU</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

Hồ sơ hồ tước
 "Nguyễn Đôn Tước"

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN DON TUE
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : June 15 1934
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 293/59 Bach Dang Phg 23, Quận Bình Thạnh
 (Dia chi tai Viet-Nam) Th. Phô Hồ Chí Minh - Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): Jun-14-1975 To (Den): 28 Sept-1982

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu Tá

VN GOVERNMENT (Trông chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____

Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒ No (Khong): ☐

IV Number (So ho so): 61299

No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Vợ và 6 con (Gái con) 2 đã qua
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 trai Thailand voi:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 293/59 Bach Dang Phg 23
Quận Bình Thạnh - Th. Phô Hồ Chí Minh - Việt Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):

Trần Thị Tucan.

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☒ No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister same parent with
his wife.

NAME & SIGNATURE: Trần Thị Tucan

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Quang

DATE: Jun 04 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DON TUE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI NGOC ANH	30 May 40	wife
NGUYEN THI Thuy NHien	13 Mar 63	daughter
Nguyen don The Hanh	26 Jun 65	son
Nguyen don Minh	14 Feb 67	son (at Thailand)
Nguyen don Thanh Binh	28 Apr. 68	son (at Thailand)
Nguyen don Tran Dinh	01 Jan 71	son
Nguyen don Khanh	23 Mar 73	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

same

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 61299
VEWL.# _____
I-171 : Yes, ✓

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN don Tue
Last Middle First
- Current Address 293/59 Bach Dang Phg 23, Quận Bình Thạnh - Hồ Chí Minh
Date of Birth 15 Jun 1934 Place of Birth Viet-Nam V.N
- Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Jun 14 - 1975 To 28 Sept 1982
3. SPONSOR'S NAME: TRAN Thi Tucan
Name
- _____
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRAN THI Tucan</u>	<u>Sister of his wife</u> <u>(sister in law)</u>
-	
-	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI NGOC ANH	30 May 1940	wife
Nguyen Thi Thuy Nhoen	13 Mar 1963	daughter
Nguyen don The Hanh	26 Jun 1965	Son
Nguyen don Minh	14 Feb. 1967	Son (at Thailand)
Nguyen don Thanh Binh	28 Apr. 1968	Son (at Thailand)
Nguyen don Tran Dinh	01 Jan. 1971	Son
Nguyen don Khanh	23 Mar 1973	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2560 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại 1 xã Tân

Số 412-901

01017615002

SWLO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tin số 988-BCA/TT ngày 31-3-1961 của Bộ Công an

Đã ban hành văn, quyết định số 55 ngày 2 tháng 8 năm 1975 của Bộ Nội Vụ

CỦA **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy thả cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ tên khai sinh

Họ tên thường gọi **Nguyễn Văn Tuấn**

Họ tên bí danh

Sinh ngày tháng năm **1934**

Nơi sinh **Hương Điền, xã Hương Điền, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Nơi đang cư trú trước khi bị bắt **15 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tên tổ **Trần Văn Trưng** trong tổ **Trần Văn Trưng** trong tổ **Trần Văn Trưng**

Bị bắt ngày **14/6/75** An phát **1/7/75**

Theo quyết định, an văn số **55** ngày **2** tháng **8** năm **1975** của **Bộ Nội Vụ**

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại **16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đã được thả tại 16 Hương Hòa thôn, xã Hương Hòa, huyện Hương Hòa, tỉnh Thừa Thiên Huế

Họ tên, ghi ký
người được cấp giấy

Ngày **21** tháng **27** năm **1982**

Giám thị

Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng trại Nguyễn Văn Tuấn

HỘI NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2560 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại 1 Hòa Tây

Số 377/GT

0101017615002

SMLB

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 988-BCA/TT ngày 31-5-1981 của Bộ Công an

Họ tên an văn, quyết định ra trại ngày tháng năm của **D5 241 VP**

Nay cấp giấy thả cho anh, chỉ có tên sau đây:

Họ tên khai sinh

Họ tên thường gọi **Nguyễn Văn Tuấn**

Họ tên bí danh

Sinh ngày tháng năm **1934**

Nơi sinh **Hương Điền, Bình Định**

Nơi đang cư trú trước khi bị bắt **16 Hương Hoa thôn**

Tại xã Quý Hòa, Nghĩa Bình

Tên đơn **Trấn An** trong đơn trình báo tên diễn bị tình

Bị bắt ngày **14/7/75** An phát **21CT**

Theo quyết định, an văn số **25** ngày **2** tháng **8** năm **1975** của **D5 241 VP**

Đã bị tăng án lần công thành năm tháng

Đã được giảm án lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại **16 Hương Hoa thôn, tại xã Quý Hòa, Nghĩa Bình**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tên đơn được tại tại đơn thân, tôn tâm tin tưởng vào chính sách đối xử tại trại của Đảng

Lưu ý có nhiều cố gắng lương dân báo ngay cũng được của, khi quy chấp hành không có vi phạm lớn

Đã lập gia đình

Đã lập hai con

Họ tên, ngày sinh, người được cấp giấy

Ngày tháng năm 1982

Giám thị

Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng trại Nguyễn Văn Tuấn

ĐO NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2560 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại 1 - BẮC KIỆM

Số 111 - 101

010077615002

SMLO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tin số 988-BCA/TT ngày 31-5-1981 của Bộ Công an.

Thị trấn An Văn, quyết định ra số ngày tháng năm của ĐO NỘI VỤ

Nay cấp giấy ra cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh

Họ tên thường gọi: Nguyễn Văn Tuấn

Họ tên bị danh

Sinh ngày tháng năm 1934

Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám, xã Quý Thôn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 16 Hoàng Hoa Thám

Cấp tòa: Tòa án huyện Quý Thôn, huyện Bình

Đã bắt ngày 14/6/75. Án phạt 2 năm

Theo quyết định, án vận số 55 ngày 2 tháng 8 năm 1975 của ĐO NỘI VỤ

Đã bị tước án lần công thành năm tháng

Đã được giảm án lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 16 Hoàng Hoa Thám, xã Quý Thôn, huyện Bình

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã được cấp 101 101 bản tước, vận tâm tin tưởng vào chính

sách của Đảng và Nhà nước.

Lúc cấp có nhiều cố gắng tu dưỡng đạo đức ngày càng được

tiến bộ, hội quy 1 chấp hành không có gì sai phạm lớn

Đã được t. tham gia xây dựng

Đã được t. tham gia xây dựng

Họ tên, chức vụ
người được cấp giấy

Ngày 21 tháng 07 năm 1982

Giám thị

Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng trại Nguyễn Văn Tuấn



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: 61299

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ĐON TUE
Last Middle First

Current Address: 293/59 Bach Dang D.23 Q Binh Thanh TP. HCM.

Date of Birth: 06/15/34 Place of Birth: Binh Tri Thien

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/14/75 To 09/28/82
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Tran Thi Tu Cau
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 31 tháng 11 năm 1972

Trại 1 Hà Tây

Số 118/GT

0101017615002

SHILO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 968-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thủ hành án văn, quyết định của số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh _____

Họ tên thường gọi: **Nguyễn Văn Tuấn**

Họ tên bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm **1934**

Nơi sinh: **Hương Điền, Bình Định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: **16 Hoàng Hoa Thám**

Tại xã Quý Đức, Nghĩa Bình

Văn tới: **Thị trấn 3, Trung tâm thương mại và văn hóa huyện**

Bị bắt ngày **14/2/75**

Án phạt: **1 TGT**

Theo quyết định, án văn số **55** ngày **2** tháng **8** năm **1975** của **Bộ Nội Vụ**

Đã bị täng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại: **16 Hoàng Hoa Thám, tại xã Quý Đức, Nghĩa Bình**

Nhận xét quá trình cải tạo _____

Đã được cấp tại lối biên giới, tôn tâm tin tưởng vào chủ

sự nghiệp của cách mạng.

Đã được cơ quan có chức năng kiểm tra, bảo vệ, công dân

địa phương chấp hành không có gì sai phạm lớn

Đã tập: thành gia đình

lập lại nơi cư trú.

Lưu tại nguồn từ phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **24** tháng **8** năm **1982**

Giám th

Cán bộ **Nguyễn Văn Tuấn**

Danh họ **Nguyễn Văn Tuấn**

Số **118**

Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng tá Nguyễn Văn Tuấn



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. 59969

MI RATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. _____
(If known)11 - MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: _____

Your Name: Mr/Mrs/ Ms TuCau TRAN Thi

Phone (home) _____

(work) _____

* Your Address _____

Number _____ Street _____ County/City _____ State _____ Zip _____

Date of Birth: May 15, 1927Place of Birth: Hue, VietNamDate of Entry to U.S. May 29, 1975Alien Number A 21 203 928Naturalization Certificate Number (If Applicable) 11015494

Legal Status

Parolee ☐Permanent Resident Alien ☐U.S. Citizen ☒

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☐ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
TRAN Thi Ngoc Anh	f	May 30, 1940 DaNang VN	Sister (same parent)	#293/59 Bach Dang
NGUYEN don Tue	m	Jun 15, 1934 ThuaThien	Sister's Husband	Ph. 23, Q. Binh Thanh,
NGUYEN Thi Thuy Nhen	f	March 13, 63 Binh Dinh	Sister's Daughter	Th. Ph. Ho, Chi Minh
NGUYEN don The Hanh	m	Jun 26, 65 QuiNhon, VN	Sister's Son	VietNam - "
NGUYEN don Minh	m	Feb. 14, 67 QuiNhon, VN	"	"
NGUYEN don Thanh Binh	m	1968, QuiNhon, VN	"	"
NGUYEN don Tran Dinh	m	Jan. 1st, 71 Q. Nhon VN	"	"
NGUYEN don Khanh	m	March 23, 73 Q. Nhon VN	"	"

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Thuan
Your Signature

Subscribed and sworn to before me this

29th day of May, 19 84.

Stamp or Seal of Notary

Doyle B. Parilla
Signature of Notary PublicMy commission expires: September 7, 1987

** Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/82)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

(202) 659-6646

659-6647

Số US C# _____

Số ODP-Bangkok-V# _____
(nếu biết)

Mẫu Mới -- Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN, TU GIA-ĐÌNH
(Thân Nhân Ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: TuCau TRAN Thi
Địa Chỉ: 3508 Paul Street, Alexandria, Va 22311
Tuổi của Người Đứng Đơn: 55 Nơi Sinh: Hue, VietNam
Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: May 29, 1975
Tổ dân tộc: VietNam Pendleton Camp in California
(Quốc gia) (Trại Tỵ-Nạn Nao)
Số "Alien Registration" (Chỉ trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-21 203 928
Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có): so Nhap Tich My 11015494
Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn:
☐ Tỵ-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)
Xin đánh dấu ☒ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☒ Công-dân Hoa-Kỳ
cũng xin điền mẫu này và
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để
tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
Cao-Ủy- Tỵ-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH VÀ THI THỰC CHỮ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia-Đình với Tôi	Địa-Chỉ Rõ-Ràng và Mỗi Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
TRAN Thi Ngoc Anh	May 30, 1940 V.N	Em(cung cha mẹ)	#293/59 dg.Bach Dang, Ph.23, Q.Binh Thanh, Th.Ph.Ho Chi-Minh VietNam
NGUYEN don Tue	Jun 15, 1934, V.N.	Chong em(em re)	"
NGUYEN Thi Thuy Nhen	March 13, 63, V.N	Con gái em(chau)	"
NGUYEN don The Hanh	Jun 26, 1965, V.N	Con trai em(chau)	"
NGUYEN don Minh	Feb.14, 1967, V.N.	"	"
NGUYEN lon Thanh Binh	1968, V.N.	"	"
NGUYEN lon Tran Dinh	Jan.1st 71, V.N.	"	"
NGUYEN lon Khanh	March 23, 73, V.N	"	"

Người làm đơn ký tên: duanNgày làm đơn: 29 may 1974



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. _____

MI RATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. _____
(If known)12 - MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

(Vietnam)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: _____

Your Name: Mr/Mrs/ Ms TuCau TRAN Thi

Phone (home) _____

(work) _____

* Your Address

Number

Street

County/City

State

Zip

Date of Birth: May 15, 1927Place of Birth: Hue, VietNamDate of Entry to U.S. May 29, 1975Alien Number A 21 203 928Naturalization Certificate Number (If Applicable) 11015494

Legal Status

Parolee ☐Permanent Resident Alien ☐U.S. Citizen ☒

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☐ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
TRAN Thi Ngoc Anh	f	May 30, 1940 DaNang VN	Sister (same parent)	#293/59 Bach Dang
NGUYEN don Tue	m	Jun 15, 1934 ThuaThien	Sister's Husband	Ph. 23, Q. Binh Thanh,
NGUYEN Thi Thuy Nhlen	f	March 13, 63 Binh Dinh	Sister's Daughter	Th. Ph. Ho Chi Minh
NGUYEN don The Hanh	m	Jun 26, 65 QuiNhon, VN	Sister's Son	Viet Nam - "
NGUYEN don Minh	m	Feb. 14, 67 QuiNhon, VN	"	"
NGUYEN don Thanh Binh	m	1968, QuiNhon, VN	"	"
NGUYEN don Tran Dinh	m	Jan. 1st, 71 Q. Nhon VN	"	"
NGUYEN don Khanh	m	March 23, 73 Q. Nhon VN	"	"

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Luau
Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to before me this
29th day of May, 19 84.Diagla B. Pastle
Signature of Notary PublicMy commission expires: September 7, 1987

** Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/82)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

(202) 659-6646

659-6647

Số US C# _____

Số ODP-Bangkok-V# _____
(nếu biết)

MẪU MỚI - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN, TU GIA-ĐÌNH
(Thân Nhân Ở Việt-Nam)Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: TuCau TRAN Thi

Địa Chỉ: _____

Tuổi của Người Đứng Đơn: 55 Nơi Sinh: Hue, VietNamNgày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: May 29, 1975Tổ dân tới: VietNam Pendleton Camp in California

(Nước nào)

(Trại Tỵ-Nạn Nào)

Số, "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-21 203 928Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có): so Nhap Tích My 11015494

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn: _____

☐ Tỵ-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)Xin đánh dấu /X/☐ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, /X/ Công-dân Hoa-Kỳ
cũng xin điền mẫu này và
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để
tên tôi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
Cao-Uỷ- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH và THI THỰC CHỦ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia- Đình với Tôi	Địa-Chỉ, Rõ-Ràng và Mỗi Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
TRAN Thi Ngoc Anh	May 30, 1940 V.N.	Em (cung cha mẹ)	#293/59 dg. Bach Dang, Ph. 23, Q. Binh Thanh, Th. Ph. Ho Chi Minh VietNam
NGUYEN don Tue	Jun 15, 1934, V.N.	Chong em (em re)	"
NGUYEN Thi Thuy Nhen	March 13, 63, V.N.	Con gái em (chau)	"
NGUYEN don The Hanh	Jun 26, 1965, V.N.	Con trai em (chau)	"
NGUYEN don Minh	Feb. 14, 1967, V.N.	"	"
NGUYEN lon Thanh Binh	1968, V.N.	"	"
NGUYEN lon Tran Dinh	Jan. 1st 71, V.N.	"	"
NGUYEN lon Khanh	March 23, 73, V.N.	"	"

Người làm đơn ký tên: Anhan Ngày làm đơn: 29 may 1984

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

25 E Street, NW.

Washington, DC 20538

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

TU-CAU THI TRAN

NAME OF BENEFICIARY	
TRAN, NGOC-ANH THI	
CLASSIFICATION	FILE NO.
P5-1	ALPHA
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
12/2/82	1/13/83

Date: 1/14/83

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ . THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK . THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED BY THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED FOR THE SAME CLASSIFICATION. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL INFORM HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. *Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.*
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. (IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE. THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HERewith.
8. ☐ REMARKS

VERY TRULY YOURS,

Russell Manchester
Acting DISTRICT DIRECTOR

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

APR 9, 1936

TO WHOM IT MAY CONCERN:

TRAN THI NGOC ANH	BORN 30 MAY 40	(IV 61299)
NGUYEN DON TUE	BORN 15 JUN 34	"
NGUYEN THI THUY NHIEU	BORN 13 MAR 63	"
NGUYEN DON THE HANH	BORN 26 JUN 65	"
NGUYEN DON MINH	BORN 14 FEB 67	"
NGUYEN DON THANH BINH	BORN 28 APR 68	"
NGUYEN DON TRAN DINH	BORN 1 JAN 71	"
NGUYEN DON KHANH	BORN 23 MAR 73	"

ADDRESS IN VIETNAM: 293/59 BACH DANG
P 23
BINH THANH
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 35025

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIEU HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


BRUCE A. BEASLEY
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTMENT OFFICE

ODP-I
10/81

NATIONAL OFFICE
MIGRATION AND REFUGEE SERVICE

1312 Mass Avenue N.W.
Washington DC 20005
202/659 6625 Telex 710 820 1154
Attimes USA

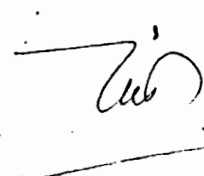
POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in Reeducation Camp in Viet Nam so that eligibility for US admission via the ODP can be established :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME NGUYỄN ĐÔN TUỆ SN# 54/203273.
RANK MAJOR
FUNCTION Coordination and development center chief, Binh Dinh Province, Republic
CURRENT ADDRESS 293/59 Raul d'Ang Street, 23rd subdistrict, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
DATE OF BIRTH 15 Jun 1934
PLACE OF BIRTH Chi Lai Thiong, Thiong vieng, Dieng ta (Thua Thien) Binh Tri Thien
NAMES OF ACCOMPANYING RELATIVES DEPENDANT :
1) Tran thi Ngoc Anh Born 30 May 1940
2) Nguyen thi Chuy Nhiem - 13 Mar 1963
3) Nguyen Don Chi Hanh - 26 Jun 1965
4) Nguyen Don Minh - 14 Feb 1967
5) Nguyen Don Thanh Binh - 28 Apr 1968
6) Nguyen Don Tran Dinh - 1 Jan 1971
7) Nguyen Don Khanh - 23 Mar 1973
TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP
From.....14. Jun. 1975.....to.....28. Sep. 1982.....
(...4. years ...3. months ...10. days)

Signature of the applicant


NGUYỄN ĐÔN TUỆ

Bản kê danh tướng và công vụ

CỦA Trung-Úy NGUYỄN-ĐON-TUỆ

SỐ

54/203.273

HỌ TỊCH	NHÂN DẠNG
Sinh ngày 15/6/1934 tại Thố lai thương	Tóc
Tổng Huyện	Mặt
Tỉnh Quảng-Nam Thừa-Thiên	Trán
Nghề nghiệp	Mũi
Con của Ông NGUYỄN-ĐON-THAN	Mắt
Và Bà NGUYỄN-THI-EN	
Hiện ở tại Thố lai thương Tổng Huyện	Hình cao : 1 th,
Tỉnh Thừa-Thiên	Dấu tích đặc biệt :
Kết hôn ngày	
Với cô	
Ở tại Tổng	
Huyện Tỉnh	
Giấy phép của	

QUỐC TỊCH

VIỆT NAM

Nhập ngũ vào Quân-dội Việt-Nam trong thời hạn (6) SAU năm

Kê từ ngày 12 / 10 / 1953. nguyên trước ở

với tư cách Tỉnh nguyên.

và giữ cấp-bậc

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

- Admis comme Elève Officier (candidat civil) l'Ecole Militaire Inter Armes de Dalat au titre de la 10ème Promotion par Décision N° 14.163/TTH/3 du 20 Septembre 1953.
- Arrivé à l'Ecole le 12 Octobre 1953.
- A contracté un engagement volontaire de six ans au titre de F.A.V.N. à compter du 12 Octobre 1953.
- A Réussi à l'examen de sortie de l'Ecole militaire Inter armes de Dalat
- A obtenu 1170,75 points sur 2100.- Classé 329^e sur class 442 classes.
- Rayé des contrôles de l'E.M.I.A.D. le 1er juin 1954.
- Mute au 43ème BVN pour comter du 1.10.1954 et passe à 4ème Cie du dit btou
- Nomme au grade de S/lieutenant d'active P/c du 1.6.1954. (Décision N° 794/QP/ Du 25/7/1954.
- Prend les fonctions D'O.R. du Bton à/C 1.2.1955. (A.M.N° 212/TD43/I/QS du 26/2/1955. du commandant 43ème bataion Viêt-Nam.
- Prend les fonctions-D'

CÔNG LIÊN VỤ TIẾP

- Được học khoa IV Dân Đạo Chi-huy tại Trung-Tam Huân-Luyện Quang-Trung Sài-Gòn đầu thu 43 (theo ban thông kê số 799/THL/TQ/NV/CP/Đ ngày 14/10/1955 của Trung-Tam Huân-Luyện Quang-Trung).
- Sau khi mãn khóa được su trợ về Đơn-vị ngày 15/10/1955 và giữ chức Sĩ-quan tinh báo Quân sự Tiểu-đoàn 43.
- Được đề cử theo học lớp Sĩ-quan TB/S tại Cay mai Sài-Gòn được su lớn được ngày 25/12/1955.
- Sau khi mãn khóa được su trợ về Đơn-vị ngày 20/2/1956.
- Tháng Trung-Uy Hiến dịch Kế tu ngày 1/6/1956 (Nghị định số 553/QĐ/ND ngày 11/6/1956 của Bộ Quốc-Hoàng).
- Được đề cử giữ chức Sĩ-quan mặt-mà Tiểu Sĩ-quan Quân huấn Kế tu ngày 23/1/1956.
- Được đề cử theo học lớp Anh ngữ cấp tốc tại Sài-Gòn, sau khi mãn khóa đã trợ về Đơn-vị.
- Được Tiểu-đoàn 43 chuyển về Bộ chỉ huy Tiểu Khu Dương-Mạng để từ ngày 15.2.58 theo lệnh chuyển chuyển tạm thời số 1066/ĐK3/1/258 ngày 13.2.58 của Đại tá Tài lệnh chuyển khu.

CHIẾN DỊCH

BIỂU CHƯƠNG

Từ



TRUNG

THƯƠNG TÍCH

TRUNG

HUY CHƯƠNG

TRUNG

KHÂN

Tại K.B.C. 4.047 ngày 19 / 8 / 1957.

Dai-uy NGUYEN CU
Dai-doi Trưởng Đại-đoàn Hành chánh
Trung-đoàn Địa-phương 162.

(Handwritten signature)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHĨA BÌNH

Số : 1782 QĐ-UB

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định, ngày 4 tháng 11 năm 1983

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH
VỀ VIỆC TRAO THU-NHÀ, TÊN CỦA TÊN :
NGUYỄN ĐÔN TUỆ, THỊ XÃ, QUẬN THƯỜNG
NGUYỄN QUYỀN .

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

- Căn cứ Nghị định số 24-CP ngày 2/2/1976 của Hội đồng chính phủ quy định nhiệm vụ và trách nhiệm quyền hạn của Chính quyền Nhà nước cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Căn cứ quyết định số 111-CP ngày 14/4/1977, quyết định số 305-CP ngày 17/11/1977 của Hội đồng Chính phủ và Thông tư số 410-TTg ngày 17/11/1977 của Thủ tướng chính phủ đã ban hành bổ sung và hướng dẫn thi hành chính sách quản lý, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất ở đô thị các Tỉnh phía Nam.

- Xét hồ sơ chính trị và nguồn gốc xây cất nhà của tên Nguyễn Đôn Tuệ sinh năm 1931, chính quyền Huyện Hương Trà, Bình Trị Thiên, trú quán nhà số 10 đường Hoàng Hoa Thám, thị xã Quy Nhơn, đã làm việc trong quân đội, chính quyền ủy quyền với chức cấp, thiếu tá trung tâm trưởng, trung tâm điều hợp Bình định nông thôn, quân trưởng.

- Theo đề nghị của hội đồng xử lý nhà, đất của xã 1- Bình Trị Thiên của hội nghị Hội đồng đã họp ngày 9/6/1982.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : - Trưng thu toàn bộ diện tích nhà, đất (kể cả trang thiết bị gắn liền trong nhà, cây cối và các vật kiến trúc khác có trên lô đất) của ngôi nhà mang biển số 10 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Hải Hòa, thị xã Quy Nhơn do tên Nguyễn Đôn Tuệ và vợ lớn trên thị trường xây dựng nghiệp chủ, để sử dụng vào lợi ích công cộng.

- Đơn vị định cư con Y no khỏi thị xã Quy Nhơn, chuyển đến vùng kinh tế mới của thị xã Quy Nhơn hoặc của tỉnh để làm an sinh sống và cho được lương chính sách, cho đi xây dựng làm an ở khu kinh tế mới như hộ nhân dân khác.

Điều 2 :- Giao Sở xây dựng Tỉnh Nghĩa Bình phối hợp với Sở công an, Ban kinh tế mới của Tỉnh, UBND thị xã Quy Nhơn và các ngành có liên quan khác tổ chức quản lý nhà, đất và chuyển giao định cư con Nguyễn don Tuệ ra khỏi thị xã Quy Nhơn đi làm ăn ở khu kinh tế mới như đã nói ở điều 1 và trình UBND Tỉnh xét duyệt phân phối sử dụng nhà, đất.

Điều 3 :- Giao Ông, Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Trưởng Ban cải tạo CTNTD Tỉnh, Giám đốc Sở xây dựng, Sở công an, Ban kinh tế mới, Chủ tịch UBND thị xã Quy Nhơn và Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành và gia đình Nguyễn don Tái và vợ tên Trần thị ngọc Anh phối hợp nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi gửi :

- Như điều 3
- Lưu (3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH


[Signature]
CHUNG HƯNG



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HÉP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHUÔNG

Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHUÔNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HÉP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: TRẦN THỊ TUCAN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYỄN ĐON TUÊ
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chả, Mẹ, Vợ, Anh, Chi Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: jun 04 1988
Niên liêm: jun 04 1988 (\$12.00)
Đóng góp bằng tiền: (tùy ý)

TU CAU THI TRAN

jun 7 1988 453

99-107
500

PAY TO THE
ORDER OF

Families of Vietnamese Political Prisoners Assn \$12.00

Twelve and 00/100 DOLLARS

CRESTAR

Crestar Bank
Alexandria, Virginia

MEMO _____

Tucan

ET-NAM
15



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHUC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HÉP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHUC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HÉP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tù do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: TRAN Thi Tucan
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DON TUE
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chi Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: jun 04 1988
Niên liêm: jun 04 1989 (\$12.00)
Đóng góp bằng: tiền mặt (tùy ý)

TU CAU THI TRAN

jun 7 1988 453

98-107
560

PAY TO THE ORDER OF Families of Vietnamese Political Prisoners Assn \$12.00
Twelve and 00/100 DOLLARS

CRESTAR

Crestar Bank
Alexandria, Virginia

MEMO _____

Tucan

ET-NAM
15



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: TRAN Thi Tucan
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DON TUE
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Me, Vở, Anh, Chi, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: Jan 04 1988
Niên liêm: Jan 04 1988 (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tuy ý)

Thủ tự, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: _____

FROM : _____



TO : NGUYỄN ĐÔN TUÊ
293/59 Bạch Đằng, Phường 15,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Việt Nam

PAR AVION - VIA AIR MAIL



Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 60327/Đ. Đ.

Họ và tên Full name

NGUYỄN ĐÓN KHUYNH

Ngày sinh Date of birth

1973

Nơi sinh Place of birth

Quận Thủ Đức

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 13 tháng 2 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ TRAFFIC



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

2

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

3

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60327 XCCấp cho Nguyen Van KhanhCùng với 1 trẻ emĐến nước: Hợp chủng quốc Hoa KỳLựa của khẩu: Vân Sơn NhứtTrước ngày 13 - 3 - 1991Hàn lâm ngày 13 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Nguyễn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 63325/80, DC.

Họ và tên Full name

NGUYỄN HỒN TRẦN BÌNH

Ngày sinh Date of birth

19/11

Nơi sinh Place of birth

Quảng Trị

Chỗ ở Domicile

Ấp Hòa Bình, xã Hòa Bình

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



QUỐC DÂN DÂN TỘC

CHÍNH QUYỀN

Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 13 tháng 9 năm 1995

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ CHÁP CẢNH



Nguyễn Phương

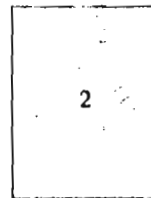
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

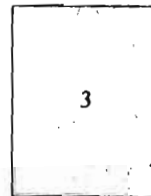
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60925 XCCấp cho Nguyễn Đôn Văn ĐĩnhCùng với 1 trẻ emĐến nước: Hợp chúng quốc Hoa KỳQua cửa khẩu: Tân Sơn NhấtTrước ngày 13 - 3 - 1991Hết ngày 12 tháng 2 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Nguyễn Phương

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 60323/90 - DT.

Họ và tên Full name

NGUYỄN HỒN THẾ MITH

Ngày sinh Date of birth

1965

Nơi sinh Place of birth

Quảng Bình

Chỗ ở Domicile

Tr. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Handwritten signature of the passport bearer, appearing as a stylized cursive script.

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại *Hà Nội* ngày 13 tháng 9 năm 1995
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ TRÁI NHẬP CÁN



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

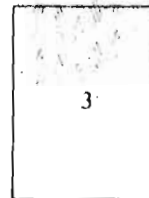
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60825 XSCấp cho Đoàn viên Dân Giải PhóngĐồng với trẻ emĐến nước: Hợp chúng quốc Hoa KỳLên của khẩu: Cần Sơn NhứtTrước ngày 13 - 3 - 1991Hà Nội ngày 13 tháng 2 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 60321/20. D.1.

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ THUY KHUÊ

Ngày sinh Date of birth

1983

Nơi sinh Place of birth

Bình Định

Chỗ ở Domicile

1/2 Tô Hiến Thành

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 2 năm 1995
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ KHẨT NHẬP CÁN



Nguyễn Thị Ngọc

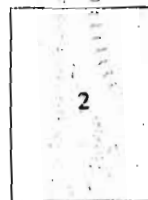
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

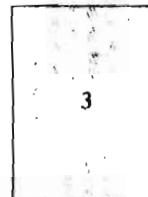
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60821 XCCấp cho Nguyễn Văn HùngCùng với 1 trẻ emĐến nước: Hợp chúng quốc Hoa KỳLúc đi kèm: Văn Sơn NhấtTrước ngày: 13 - 3 - 1971Hải ngày 13 tháng 2 năm 1971

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Phương

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 60819/20 Đ1.

Họ và tên Full name

TRẦN THỊ NGỌC BÌNH

Ngày sinh Date of birth

1940

Nơi sinh Place of birth

Đã trưởng

Chỗ ở Domicile

Tr: Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Ảnh

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60319 XCCấp cho Sau Du Vang HnlyCùng với 1 ngườiHọ tên: Đ. Thị Trưng quốc Hoa KỳLà của khẩu: Cán Sơn NhấtTrước ngày: 13-3-1991Hết ngày: 13 tháng 2 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Nguyễn Phương

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13 - 09 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

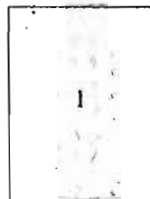
Cấp tại Số 1 ngày 13 tháng 9 năm 1995
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP TỈNH



Nguyễn Trung

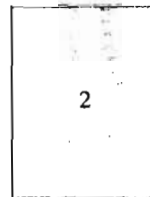
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

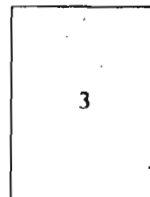
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Pàssport

Số
N^o PT 60817/94 DC.

Họ và tên Full name

NGUYỄN ĐÓN NÚT

Ngày sinh Date of birth

1931

Nơi sinh Place of birth

Thị trấn

Chỗ ở Domicile

Tr. Phố

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

13 - 9 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 13 tháng 9 năm 1995
 Issued at on

CỤC QUẢN LÝ MIỄN NHẬP CÁN



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHÚ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60812 XCCấp cho Nguyễn Văn HuệĐồng với 1 trẻ emĐến nước: Liên bang quốc Hoa KỳLà của khẩu: Tân Sơn NhấtTrước ngày 13 - 3 - 1971Hải quan ngày 13 tháng 2 năm 1971

CỤC QUẢN LÝ THỰC NHẬP CẢNH

Nguyễn Phương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16/11/1991.

Kính gửi Bà Khúc Minh Thổ.

Tên tôi là Nguyễn Văn Huệ hiện thường trú tại số nhà 293/59 đường Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có thư này Trần trọng gửi đến Bà toàn bộ hồ sơ xuất cảnh để xin Bà giúp đỡ can thiệp với Gram để vào phòng ODP ở Thái Lan cho tôi và gia đình được phong vận 1cham ruc 1choe lập thủ tục nhập cảnh định cư ở Hoa Kỳ càng sớm càng tốt.

Hồ sơ gồm có các bản sau đây:

- 6 hồ chính của - Nguyễn Văn Huệ s/n 1934
 - Trần Thị Ngọc Anh s/n 1940 (vợ)
 - Nguyễn Thị Thủy Nhiễm s/n 1963 (con)
 - Nguyễn Văn Chí Hằng s/n 1965 (con)
 - Nguyễn Văn Trần Đình s/n 1971 (con)
 - Nguyễn Văn Khánh s/n 1973 (con)
- 1 giấy báo tin của Bộ Nội vụ VN.
- 1 giấy ra trại của Nguyễn Văn Huệ.
- 1 đơn xin báo lãnh của Bà Trần Thị Cúc Cầu (chị vợ)
- 1 giấy i 171.
- 1 giấy LOI + 1 hình ảnh của anh tôi **Nguyễn Văn Huệ**.

Chị vợ tôi là Bà Trần Thị Cúc Cầu hiện ở

Hai con tôi là Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Văn Thanh Bình hiện ở

Tôi và gia đình rất mong đợi sự giúp đỡ của Bà. Chúng

Tôi xin trân trọng gửi lời Cảm ƠN và chúc Bà sức khỏe.

Kính thư

Em

Nguyễn Tôn Huệ.

Tài Duyệt: Có tin tức liên quan xin Bà gửi về cho tôi ở

Địa chỉ: Nguyễn Tôn Huệ

293/59 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình

Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

Xin cảm ƠN.

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

Loi

APR 9, 1936

TO WHOM IT MAY CONCERN:

TRAN THI NGOC ANH	BORN 30 MAY 40	(IV 61299)
NGUYEN DON TUE	BORN 15 JUN 34	..
NGUYEN THI THUY NHIEU	BORN 13 MAR 63	..
NGUYEN DON THE HANH	BORN 26 JUN 65	..
NGUYEN DON MINH	BORN 14 FEB 67	..
NGUYEN DON THANH BINH	BORN 28 APR 68	..
NGUYEN DON TRAN DINH	BORN 1 JAN 71	..
NGUYEN DON KHANH	BORN 23 MAR 73	..

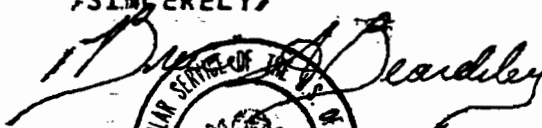
ADDRESS IN VIETNAM: 293/59 BACH DANG
P 23
BINH THANH
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 35025

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIEU HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


BRUCE A. BEASLEY
DIRECTOR
ORDER, DEPARTMENT OF STATE
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
10/81

Số : 1782/QĐ-UB

Quy Nhơn, ngày 4 tháng 4 năm 1983

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH
VỀ VIỆC TRUNG THU NHÀ, ĐẤT CỦA TÊN :
NGUYỄN ĐÓN TUỆ, THIẾU TÁ, QUÂN TRƯỞNG
QUY NHƠN . .

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH

- Căn cứ Nghị định số 24-QP ngày 2/2/1976 của Hội đồng chính phủ quy định nhiệm vụ và trách nhiệm quyền hạn của Chính quyền Nhà nước cấp Tỉnh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Căn cứ quyết định số 111-QP ngày 14/4/1977, quyết định số 305-QP ngày 17/11/1977 của Hội đồng Chính phủ và Thông tư số 410-TTg ngày 17/11/1977 của Thủ tướng chính phủ đã ban hành bổ sung và hướng dẫn thi hành chính sách quản lý, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất ở đô thị các Tỉnh phía Nam.

- Xét hồ sơ chính trị và nguồn gốc xây cất nhà ở của tên Nguyễn Đón Tuệ sinh năm 1934, chính quán Huyện Hương Trà, Bình Trị Thiên, trú quán nhà số 16 đường Hoàng Hoa Thám, thị xã Quy Nhơn, đã làm việc trong quân đội, chính quyền Mỹ Ngụy với chức cấp, thiếu tá trung tâm trưởng, trung tâm điều hợp Bình định nông thôn, quân trưởng.

- Theo đề nghị của Hội đồng xử lý nhà, đất Tịch nghi. Bình tại biên bản hội nghị Hội đồng xử họp ngày 9/8/1982.

Q U Y Ế T - Đ I N H

Điều 1 : - Trung thu toàn bộ diện tích nhà, đất (kể cả trang thiết bị gắn liền trong nhà, cây cối và các vật kiến trúc khác có trên lô đất) của ngôi nhà mang biển số 16 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Hải Cảng, thị xã Quy Nhơn do tên Nguyễn Đón Tuệ và vợ tên Trần thị ngọc anh dựng nghiệp chủ, để sử dụng vào lợi ích công cộng.

- Dưa gia đình vợ con Y na khỏi thị xã Quy Nhơn, chuyển đến vùng kinh tế mới của thị xã Quy Nhơn hoặc của Tỉnh để làm an sinh sống và cho được hưởng chính sách, chế độ di xây dựng làm an ở khu kinh tế mới như hộ nhân dân khác.

Điều 2 :- Ban Sở xây dựng Tỉnh Nghĩa Bình phối hợp với Sở công an, Ban kinh tế mới của Tỉnh, UBND thị xã Quy Nhơn và các ngành có liên quan khác tổ chức quản lý nhà, đất và chuyển giao dinh vợ con Nguyễn don tuê ra khỏi thị xã Quy Nhơn đi làm ăn ở khu kinh tế mới như đã nói ở điều 1 và trình UBND Vĩnh xét duyệt phân phối sử dụng nhà, đất.

Điều 3 :- Ông Ông, Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Trưởng Ban cất tạo CNTT Tỉnh, Giám đốc Sở xây dựng, Sở công an, Ban kinh tế mới, Chủ tịch UBND thị xã Quy Nhơn và Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành và gia đình Nguyễn don tuê và vợ tên Trần thị ngọc anh phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.//

Nơi gửi :-

- Như diện 3
- Lưu (3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHĨA BÌNH



CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH

CHUNG HUỖNG

People's Committee
Nghia Binh Province

No: 1782 QD-UB

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

Quy nhơn, the first of November 1983

DECISION BY THE PEOPLE'S COMMITTEE OF NGHIA BINH PROVINCE
ON THE CONFISCATION OF HOUSE AND LAND THAT BELONGED
TO THE MAN NGUYEN DON TUE, MAJOR, DISTRICT CHIEF OF
THE QUISLING GOVERNMENT

-:-:-:-:-

THE PEOPLE'S COMMITTEE OF NGHIA BINH PROVINCE

- Considering Ordinance No. 24-CP dated 2 February 1976 by the Council of the Government stipulating the composition of responsibility and rights of the Government at provincial level in economic management,
- Considering Decision No. 111-CP dated 14 April 1977, Decision No. 305-CP dated 17 November 1977 by the Council of Government and Arrête No. 410-TTg dated 17 November 1977 by the Prime Minister promulgating amendments and instructions on management policy and socialist reform upon real estate in towns and cities in Southern Provinces,
- Considering the man Nguyen Don Tue's political background and the inspiration of the construction of the above man's house, born in 1934, native at Hsing Tra District, Binh Tri Thien Province, present residence at 16 Hoang Hoa Tham Qui Nhon City. This man had worked and served in the American-Quisling Government's Army and Government, ranked Major, Commander-In-Chief of Rural Pacification Co-ordination Center being concurrently in charge of district chief,
- Considering the recommendation proposed by the Real Estate Committee of Nghia Binh Province detailed in the Rapport of Conference made in the meeting of the members of the Committee on the 9 of August 1982,

D E C I D E S

Article 1: To confiscate in one batch house, land (including all equipments, furniture, decorating works, plants, trees in the area and any other construction presently existing on the land addressed 16 Hoang Hoa Tham, Tran Hung Dao Ward, Qui Nhon provincial town, from the man Nguyen Don Tue and his wife Tran Thi Ngoc Anh herein-after called owners, for the purpose of public utility.

To remove his family (his wife and children) out of the city of Qui Nhon to one of the New Economic Zones planned by the

City Committee or the People's Committee of Province. Privileges given to this family are of the basis of ordinary people to a new economic zone.

Article 2: To appoint Construction Service of Nghia Binh Province, in a combination with the Committee of New Economy, People's Committee of Qui Nhon City and all other organizations that concern, to take over the house and to remove this family out of the city to a New Economic Zone as said in the Article 1. New land given to this family will be made by the above mentioned organizations and will be presented to the People's Committee of Nghia Binh Province for an approval.

Article 3: The Chief of the Provincial People's Committee Secretariat, Chief of Commercial and Industrial Reform Council, Construction Service Chief, Public Safety Service Chief, Chief of New Economy Department, Chairman of People's Committee of Qui Nhon City and Heads of all organizations that are relevant to this matter are responsible to carry out this decision. And the man Nguyen Don Tue and his wife Tran Thi Ngoc Anh must seriously execute this decision.

This Decision takes effects from the day it is issued.

PEOPLE'S COMMITTEE OF NGHIA BINH PROVINCE
For Chairman of Provincial Committee
Deputy Chairman

To:
- As mentioned (3 cps)
- File (3 cps)

CHUNG HUONG
(signed and sealed)

Số: 1429 /ĐD/TTĐH/KHCT
ĐD/H/CV/NNCB/4

TỈNH-TRƯỞNG TỈNH BÌNH-ĐỊNH
KIỂM THỊ-TRƯỞNG THỊ-XÃ QUI - NHƠN

-Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01 tháng 04 năm 1967, tu-
chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22 tháng 01 năm 1974,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 01 tháng 09 năm 1969 và các văn-
kiện kế tiếp, nhất là Sắc-lệnh số 130-TT/SL ngày 18 tháng 02 năm 1974 ấn-
định thành-phần Chính-Phủ,

-Chiếu ND số 140/TT/HĐ ngày 02 tháng 10 năm 1974 của Tổng-Thống
Việt-Nam Cộng-Hòa bổ nhiệm Đại-Tá TRẦN-ĐÌNH-VY giữ chức-vụ Tỉnh-Trưởng
Bình-định kiêm Thị-Trưởng Qui-Nhơn,

-Chiếu Nghị-định số 762/ND/ThT/TTPT ngày 27 tháng 09 năm 1973 của
Thủ-Tướng Chánh-Phủ cử Thiếu-tá NGUYỄN-ĐÓN-TUỆ giữ chức-vụ Trung-Tâm-Trưởng
Trung-Tâm Điều-Hợp Tỉnh Thị Bình-định/Qui-nhơn,

-Chiếu Nghị-định số 842-ND/ThT/ĐDPT ngày 24/08/1972 bổ-túc bởi Nghị-
định số 642/ND/PTHT/TTPT ngày 10/07/1973 thành-lập các Trung-Tâm Điều-Hợp
TTPT Đô, Tỉnh, Thị.

-Chiếu Sắc-Lệnh số 092/SL/ThT/PC1 ngày 30 tháng 04 năm 1974 và Sắc-
lệnh số 093/SL/ThT/PC1 ngày 30 tháng 04 năm 1974 ấn-định-tổ-chức Cơ-quan
Chánh-quyền Tỉnh, Quận và Thị-xã,

-Chiếu Nghị-định số 622/ND/ThT/ANPT ngày 08 tháng 08 năm 1974 ấn-định
tổ-chức và nhiệm vụ các TTDH/Tỉnh và Thị-xã,

-Chiếu Nghị-định số 616/ND/ThT/ANPT ngày 08 tháng 08 năm 1974 và
Thông-tư số 3270/PTHT/ANPT/KBIG ấn-định điều-hành hệ thống Kiểm-bảo Lương-
gia,

-Chiếu đề-nghị của Trung-Tâm-Trưởng Trung-Tâm Điều-Hợp Tỉnh Bình-định

-Chiếu đề-nghị của Chủ-sự Phòng Viễn-Thông Tỉnh Thị,

-Chiếu nhu-cầu công-vụ,

Q U Y Ế T - Đ Ị N H

Điều 1 : Nay bổ nhiệm các Sĩ-quan, Công-chức sau đây giữ các chức-vụ
Trung-tâm-Phó, Trưởng-Ban và Trưởng Tiểu-Ban thuộc Trung-Tâm
Điều-Hợp Tỉnh Bình-định và Thị-xã Qui-Nhơn:

-Đại-Ủy PHẠM-HỮU-LƯƠNG - Sq.42/145.359 chức-vụ Trung-Tâm-Phó kiêm nhiệm
Trưởng-Ban Công-tác và Trưởng-toàn
Kiểm-Bảo Lương gia.

-Đại-Ủy LÊ-ĐÌNH-DIỄN - 60/406.947 Trưởng-Ban Kế-hoạch Chương-Trình

-Trung-Ủy NGUYỄN-ĐÌNH-NGHIÊM 68/406.914 Trưởng Tiểu-Ban Kế-hoạch

-Trung-Ủy NGUYỄN-VĂN-TÌNH - 65/436.546 Trưởng Tiểu-Ban Phát-Triển

-Trung-Ủy TÔ-HÙNG-THẠNH - 65/406.030 Trưởng Tiểu-Ban Phân-tách Báo cáo
và Lương gia,

-Đại-Ủy NGUYỄN-HỒNG-CHÂU - 59/153.147 Trưởng-Ban Hành-chánh Yểm-tr:

-Đại-Ủy NGUYỄN-ĐCH-ĐA - 65/200.044 Trưởng-Ban Thị-tú kiêm Kiểm-Bảo-
viên Lương gia Thị-xã Qui-nhơn.

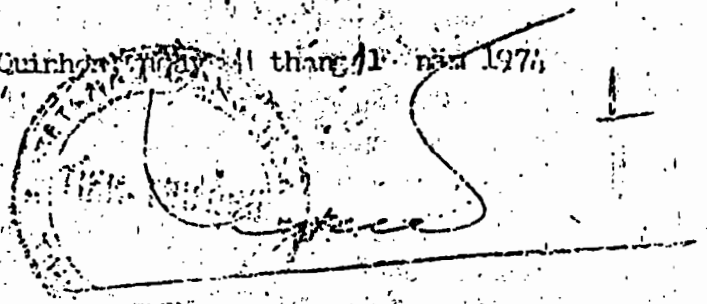
-Ông NGUYỄN-HỮU-THÀNH Phó Kiểm-sát viên hạng 3 Trưởng-Ban Phối-hợp
Truyền-tin.

Điều 2 : Việc quản-trị hành-chánh, lương-bổng, thù-lao và phụ-cấp của Trung-Tâm-Trưởng, các công-vụ trên và tất cả nhân-viên thuộc Trung-Tâm Điều-độc được áp-dụng theo tho-lệ hiện hành.

Điều 3 : Các Công Phó Tỉnh-trưởng, Phó Thị-trưởng, Phụ-tá Hành-chánh, Trung-tâm-Trưởng Trung-Tâm Điều-độc Tỉnh, Trưởng-ty Công-vụ, Trưởng-ty Ngân-sách kế-toán và tiếp-liên Tỉnh Thị, Chủ-sự Phòng Viên-thông Tỉnh Thị, chấp-hành-vụ thi-hành Quyết-định này.

Quyết-định này có hiệu-lực kể từ ngày ký ./-

Quinhon, ngày 11 tháng 11 năm 1974



NƠI NHẬN

- Các Công-vụ
(10 chi-hành)

- Ông Phó Tỉnh-trưởng
- Ông Phó Thị-trưởng
- Ông Phụ-tá Hành-chánh Tỉnh Thị
- Trung-Tâm-Trưởng TTĐH Tỉnh Thị
- Trưởng-ty Công-vụ Tỉnh
- Ty Ngân Kế Toán Tỉnh Thị
- Chủ-sự Phòng Viên-thông Tỉnh Thị
- + Các Ty, Trung-tâm, BCH thuộc CCCQ Tỉnh Thị

SAO KINH GỬI :

- Hội-Đồng ANTT TRUNG ƯƠNG
- Hội-Đồng ANTT Quận-Khu 2
- Bộ Nội-vụ
- Thủ Tổng Ủy Công-vụ
- BCH/Tiểu-Phu Dân-định (Kính tướng)
- Lưu (VT/CCCQ - TTĐH)

Đại-Tá TRẦN-DANH-VY

Republic of Vietnam
The Governmental Organization of Binh Dinh Province

No: 1129/BĐ/TT-TH/KHCT.
BĐ/ĐN/CV/NĐ/BB

BINH DINH PROVINCE CHIEF
ACTING MAYOR OF QUINH ON CITY.

- Referring to the Constitution of Republic of Viet Nam of April 1, 1967 and Law of Amendment number 001/74 dated Jan 22, 1974;
- Referring to Order No. 394. TT/SL of Sept 1, 1969 and the following documents; particularly order no. 130-TT/SL dated Feb 18, 1974 stipulating the composition of the Government;
- Referring to decree No. 140/TT/ND dated Oct 2, 1974 by the President of Republic of Viet Nam assigning Colonel TRẦN ĐÌNH V. Y to the position of Province Chief of Binh Dinh Province acting as Mayor of Qui Nhon City;
- Referring to decree No. 762/ND/TH/TTPT dated Sept 27, 1973 by the Prime Minister assigning Major NGUYỄN ĐÓN TÙNG to the position of Chief, Co-ordinating Center, Binh Dinh Province/Quinhon City;
- Referring to decree No. 842/ND/TH/ĐPT dated Aug 24, 1972 amended by decree No. 642/ND/TH/ĐPT dated Jul 10, 1975 Composing of Development Co-ordinating Center at Provincial, City and Capital levels;
- Referring to Order No. 092/SL/TH/PC of April 30, 1974 and Order No. 093/SL/TH/PC of April 30, 1974 stipulating the organizing of Government Organizations of Province, District and Village;
- Referring to decree No. 622/ND/TH/ANPT dated Aug 8, 1974 determining the composition and the responsibilities of Town, City and Provincial Development Co-ordinating Center;
- Referring to decree No. 616/ND/TH/ANPT dated Aug 8, 1974 and Memorandum No. 3270/ĐTH/ANPT/KSLG instructing the regulations of Quality and Quantity Control;
- Referring to recommendations proposed by Chief of Binh Dinh Co-ordinating Center;
- Referring to recommendations by the City Telecommunication Manager;
- Considering the requirements needed;

DECIDED:

Article 1: At present, to assign these following officers, civil servants to the positions of Chief Assistant, Sections Chiefs, Sub-section Chiefs in the Development Co-ordinating Center.

- Capt PHẠM HỮU LƯỢNG - SSN 42/145.359 Chief Assistant of the Center acting Chief of Operation Section and Chief of Locality and Quantity Control section.
- Capt LÊ ĐÌNH DIỄN - SSN 60/406.947 Chief, Programming and Planning Section.
- 1st Lt NGUYỄN ĐÌNH NGHIÊM - SSN 68/406.914 Chief, Planning Sub-Section.
- 1st Lt NGUYỄN VĂN TÌNH - SSN 65/436.546 Chief, Development Sub-Section.
- 1st Lt TÔ HỮNG THANH - SSN 65/406.030 Chief, Analysis, Report and Price Estimation Sub-Section.
- Capt NGUYỄN HỒNG CHÂU - SSN 59/153.147 Chief, Administration and Support Section.
- Capt NGUYỄN ĐÓN ĐÀ - SSN 65/200.044 Chief, Markets and Price Estimation Controller's Section.
- Mr NGUYỄN HỮU THANH - Controller - Assistant 3rd grade, Chief, Telecom - Co-ordinating Section.

Article 2: The service concerning administration, allowance salary of the staff members belonging to the Center are applied in accordance with current regulations.

Article 3: Messrs - Vice - Province Chief, Deputy Mayor, Administration assistant, Chief of the Center, Operation Service Chief, Accounting and Budget and Supply Service Chief, Manager of Telecom - service are responsible for the achievement of this decision.

This decision takes effect upon it is signed.

Quinhon, the eleventh of November 1974

(Signed and Sealed)

TRẦN ĐÌNH HUY

Colonel TRẦN ĐÌNH HUY

To:

- Individuals involved (for achieving)
- Province Deputy
- Deputy Mayor
- Administration Assistant
- Chief, Development Co-ordinating Center
- Chief, Operation Service
- Chief, Treasury and Accounting Service
- Manager, Telecom Service
- Service chiefs, Directors, Governmental Organization Staff Members

Copies to:

- Council of National Development
- Council of Regional II Development
- Domestic Affairs Ministry
- Directorate General for Operations and Personnel
- Headquarters of BINH DINH Sector (for information)
- File at Province Chief Office
- File at Mailroom (Governmental Organization - Development and Co-ordinating Center)

264/64

13581 HCM
26/752 T.9

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 393.../XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông... Nguyễn... Đôn... Tuấn

Hiện ở: 293/59... Bạch Đằng, F.5... Bình Thạnh, Tp. HCM

1/ Chúng tôi đồng ý cho Ông cùng 05... người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 06... hộ chiếu cho gia đình, số:

60817 đến số 60827/90 DC,

(Gửi kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H.12... chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để Ông... yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 / 1990.
TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ X.N.C



Trần Thành

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại : Hà Tây

Số 418 GRT

01010170112002

3510

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Phi nhân án văn, quyết định tha số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh _____

Họ, tên thường gọi : Nguyễn Văn Tuệ

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1931

Nơi sinh : Hương Điền, xã Hương Điền, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt : 16 Hoàng Hoa Thám, thị xã Quy Nhơn, Nghĩa Bình

Cán tội : Tội phạm chính trị, phạm tội trước ngày 30-4-1975

Bị bắt ngày 14/6/75 phạt 200T

Theo quyết định, án văn số 55 ngày 2 tháng 2 năm 1976 của Bộ Nội vụ

Đã bị tăng án _____ lần, công thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, công thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 16 Hoàng Hoa Thám, thị xã Quy Nhơn, Nghĩa Bình

Nhận xét quá trình cải tạo _____

Đã được tha tội lỗi bản thân, yên tâm tin tưởng vào chính

sắc giáo dục cải tạo của nhà nước.

Đã có nhiều cố gắng lao động cải tạo, công được _____

điểm, hội quy : chấp hành không có vi phạm lớn

Đặc tập : thành gia đình

Xếp loại đạt tại nhà

Lần tay ngón trái phải

Của Nguyễn Văn Tuệ

Đánh dấu số 1432

Lập tại SV 15

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 28 tháng 8 năm 1982

Giám thị



Nguyễn Văn Tuệ

Trung tá: Nguyễn Văn M6

Kính thưa

Công an thành phố Hồ Chí Minh,
Kính gửi Lãnh đạo Học Viện Cảnh Sát
ở Thủ Đức, kính đề nghị các cơ quan liên
quan cho tôi được đi học tại Học Viện Cảnh Sát
Thủ Đức vào ngày 11/10/82.

Trân trọng
Lên trình 4/10/82

Chánh Văn phòng Công an thành phố Hồ Chí Minh



Ngày 01/10/82



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. 59969

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. 61299
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

(Vietnam)

MIGRATION & SERVICE SERVICE

WASHINGTON

JANUARY 1985
22203AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: _____

Your Name: Mr/Mrs/ Ms TuCau TRAN Thi

Phone (home) _____

(work) _____

* Your Address _____

Number

Street

County/City

State

Zip

Date of Birth: May 15, 1927Place of Birth: Hue, VietNamDate of Entry to U.S. May 29, 1975Alien Number A 21 203 928Naturalization Certificate Number (If Applicable) 11015494

Legal Status

Parolee ☐Permanent Resident Alien ☐U.S. Citizen ☒

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☐ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
TRAN Thi Ngoc Anh	f	May 30, 1940 DaNang, VN	Sister (same parent)	293/59 Bach Dang
NGUYEN don Tue	m	Jun 15, 1934 Thua Thien	Sister's Husband	P. 23, Binh Thanh
NGUYEN Thi Thuy Nhen	f	March 13, 63 Binh Dinh	Sister's Daughter	Ho Chi Minh City
NGUYEN don The Hanh	m	Jun 26, 65 Qui Nhon, VN	Sister's Son	VN.
NGUYEN don Minh	m	Feb. 14, 67 Qui Nhon, VN	"	"
NGUYEN don Thanh Binh	m	1968, Qui Nhon, VN	"	"
NGUYEN don Tran Dinh	m	Jan. 1st, 71 Q. Nhon VN	"	"
NGUYEN don Khanh	m	March 23, 73 Q. Nhon VN	"	"

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Your Signature _____

Subscribed and sworn to before me this _____ day of _____, 19____.

Stamp or Seal of Notary _____

Signature of Notary Public _____

My Commission Expires February 2, 1985
My commission expires: _____

** Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/82)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

(202) 659-6646

659-6647

Số USCC# 59969

Số ODP-Bangkok-IV# 64299
(nếu biết)

Mẫu Mới - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA-ĐÌNH
(Thân Nhân ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: TuCau TRAN Thi
Địa Chỉ: _____
Tuổi của Người Đứng Đơn: 55 Nơi Sinh: Hue, VietNam
Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: May 29, 1975
Tổ đầu tới: VietNam Pendleton Camp in California
(Nước nào) (Trại Ty-Nạn Nào)
Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-21 203 928
Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có): so Nhap Tích My 11015494
Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn: _____

Xin đánh dấu ☒ X☐ Ty-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)☐ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☒ X Công-dân Hoa-Kỳ
cũng xin điền mẫu này và
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để
tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
Cao-Úy- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH và THI THỰC CHỦ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia-Đình với Tôi	Địa-Chỉ Rõ-Ràng và Mỗi Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
TRAN Thi Ngoc Anh	May 30, 1940 V.N.	Em (cung cha mẹ)	293/59 Bạch Đằng, P. 23, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.
NGUYEN don Tue	Jun 15, 1934, V.N.	Chong em (em re)	
NGUYEN Thi Thuy Nhen	March 13, 63, V.N.	Con gái em (cháu)	
NGUYEN don The Hanh	Jun 26, 1965, V.N.	Con trai em (cháu)	
NGUYEN don Minh	Feb. 14, 1967, V.N.	"	"
NGUYEN don Thanh Binh	1968, V.N.	"	"
NGUYEN don Tran Dinh	Jan. 1st 71, V.N.	"	"
NGUYEN don Khanh	March 23, 73, V.N.	"	"

Người làm đơn ký tên: Tuau Ngày làm đơn: 17 Dec 1982

Washington, DC 20538

TU-CAU THI TRAN

Date: 1/14/83

Form 1-171
(Rev. 4-2-81))

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 6 15188
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter